

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Điều hành	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Trần Quý Tài	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Điệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Điều hành



Hoàng Minh Anh Tú

Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016



Số: 667 /2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 21 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 18- "vốn chủ sở hữu", Công ty đang sử dụng các quỹ để bù lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước với số tiền 2.890.894.333 đồng, tuy nhiên vấn đề này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		105,785,129,639	94,835,164,609
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36,743,669,899	29,807,489,309
111	1. Tiền		13,644,018,102	12,307,489,309
112	2. Các khoản tương đương tiền		23,099,651,797	17,500,000,000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	9,500,000,000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9,500,000,000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30,639,310,479	19,519,218,520
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	25,217,077,036	16,271,379,986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2,165,428,793	1,893,158,483
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	3,000,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	256,804,650	1,354,680,051
140	IV. Hàng tồn kho	8	28,589,106,994	44,856,024,523
141	1. Hàng tồn kho		28,589,106,994	44,856,024,523
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		313,042,267	652,432,257
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		269,289,375	593,808,604
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	13,370,761
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	43,752,892	45,252,892
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		107,865,678,873	111,670,216,914
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	1,081,496,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	-	1,081,496,000
220	II. Tài sản cố định		32,387,316,385	35,504,892,595
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27,458,686,236	30,572,101,354
222	- Nguyên giá		80,519,608,302	77,955,214,405
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53,060,922,066)	(47,383,113,051)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4,928,630,149	4,932,791,241
228	- Nguyên giá		6,874,587,997	6,637,088,088
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(1,945,957,848)	(1,704,296,847)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	35,004,253,407	36,926,926,935
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(17,452,718,782)	(15,530,045,254)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	1,065,554,594	163,717,636
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1,065,554,594	163,717,636
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	37,745,629,554	36,443,042,843
251	1. Đầu tư vào công ty con		34,000,021,370	32,658,993,519
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		122,329,200	122,329,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(1,076,721,016)	(1,038,279,876)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,662,924,933	1,550,140,905
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1,662,924,933	1,550,140,905
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		213,650,808,512	206,505,381,523

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16,609,420,537	16,831,667,059
310	I. Nợ ngắn hạn		16,609,420,537	16,831,667,059
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	3,512,741,015	4,210,614,744
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		757,358,086	995,972,543
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	205,231,199	26,670,276
314	4. Phải trả người lao động		947,944,000	1,161,791,600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		65,849,112	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	2,902,573,694	3,018,435,941
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	8,217,723,431	7,418,181,955
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		197,041,387,975	189,673,714,464
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	197,041,387,975	189,673,714,464
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	58,480,640,000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>61,725,230,000</i>	<i>58,480,640,000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	140,906,644,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ (*)		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		1,477,656,109	4,368,550,442
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,702,083,983	(4,556,483,861)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		(4,556,483,861)	(3,778,977,560)
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>10,258,567,844</i>	(777,506,301)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		213,650,808,512	206,505,381,523





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập

Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	111,223,276,024	121,390,055,687
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	525,927,510	1,009,383,858
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		110,697,348,514	120,380,671,829
11	4. Giá vốn hàng bán	22	99,357,515,404	116,100,341,859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11,339,833,110	4,280,329,970
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4,501,069,793	1,696,719,538
22	7. Chi phí tài chính	24	546,223,665	464,400,524
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>195,154,594</i>	<i>161,942,337</i>
25	8. Chi phí bán hàng	25	2,185,197,899	1,804,877,442
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,897,093,134	4,475,274,604
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7,212,388,205	(767,503,062)
31	11. Thu nhập khác		159,548,432	51,107,791
32	12. Chi phí khác		4,263,126	61,111,030
40	13. Lợi nhuận khác		155,285,306	(10,003,239)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7,367,673,511	(777,506,301)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7,367,673,511	(777,506,301)



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
 Người lập



Nguyễn Thị Xuân
 Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú
 Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2015
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7,367,673,511	(777,506,301)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8,225,885,560	8,577,145,158
03	- Các khoản dự phòng		38,441,140	(1,091,432,200)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		14,215,426	27,559,251
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4,311,241,981)	(348,679,271)
06	- Chi phí lãi vay		195,154,594	161,942,337
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11,530,128,250	6,549,028,974
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8,537,649,354)	(1,121,748,731)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		16,266,917,529	9,825,549,933
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1,024,409,270)	(4,277,784,712)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		211,735,201	1,434,172,222
14	- Tiền lãi vay đã trả		(195,154,594)	(161,942,337)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	426,344,000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(435,552,740)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18,251,567,762	12,238,066,609
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4,238,287,867)	(1,073,630,776)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		150,815,087	34,545,456
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12,500,000,000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1,081,496,000	300,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,341,027,851)	(2,500,021,370)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2,144,954,875
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4,781,241,981	1,127,264,345
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12,065,762,650)	33,112,530

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		16,221,794,238	28,211,188,073
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(15,483,628,871)	(28,249,477,382)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(14,518,800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		738,165,367	(52,808,109)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6,923,970,479	12,218,371,030
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		29,807,489,309	17,584,518,588
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12,210,111	4,599,691
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	36,743,669,899	29,807,489,309



Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực Sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- SX ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- SX ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2015, Công ty đang thực hiện quá trình chuyển giao hoạt động sản xuất túi xốp cho Công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc. Điều này dẫn tới doanh thu bán hàng hóa thành phẩm của Công ty trong năm giảm so với cùng kỳ, đồng thời giá trị hàng tồn kho cũng có chiều hướng giảm tương ứng.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xí nghiệp Giấy Alta	Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp sản xuất nhựa xuất khẩu	Lô II - 3, Nhóm 2, Đường số 11, Khu CN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Xí nghiệp In tổng hợp	105 Đường Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Hội nghị tiệc cưới & Giải trí Unique	Số 91 B2, Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Rạp Alta 4D-Max và laser game Suối Tiên	Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh
- Khu Dịch vụ giải trí điện tử tại Maximark 3T2	Siêu thị Maximark 3 tháng 2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Chế bản & Kỹ thuật in	Số 9 - 11, Đường Trường Chinh, Phường 11, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Sản xuất và Phát hành băng, đĩa nhạc	Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta	Số 927/8 (số cũ 169/8), Đường Cách mạng Tháng 8, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 33.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn,.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào **Báo cáo tài chính riêng** của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	10 năm
- Phần mềm máy tính	04 - 06 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
--------------------------	-------------

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và Chi phí đi vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được **Đại hội đồng cổ đông** thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Chi phí thuế TNDN

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	7,741,645,229	4,973,996,083
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5,902,372,873	7,333,493,226
Các khoản tương đương tiền	23,099,651,797	17,500,000,000
	<u>36,743,669,899</u>	<u>29,807,489,309</u>

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 23.099.651.797 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,0 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc ⁽¹⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt ⁽²⁾	Thành phố Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Sản xuất các loại thẻ thông minh

(1) Theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ/2014 ngày 15/04/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 và Nghị quyết số 01-05/NQHĐQT/2014 ngày 15/05/2014 của Hội đồng Quản trị, Công ty cam kết tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc lên 20.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 06 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty TNHH Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc là 20.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn bằng tiền là 1.341.027.851 đồng nâng số vốn thực góp đến 31 tháng 12 năm 2015 là 20.000.000.000 đồng.

(2) Ngày 21/12/2015, Công ty Cổ Phần Văn hóa Tân Bình - Chủ sở hữu của Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt đã ban hành Quyết định số 58/2015/QĐGT về việc phê duyệt quyết định giải thể Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt. Lý do giải thể Công ty hoạt động kém hiệu quả, không mở rộng được hoạt động kinh doanh sản xuất kinh doanh.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47.00%	47.00%	In ấn và quảng cáo

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	4,998,313,065	1,914,732,871
Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	10,504,890,892	769,175,809
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	2,746,620,838	2,934,522,636
Các khoản phải thu khách hàng khác	6,967,252,241	10,652,948,670
	25,217,077,036	16,271,379,986

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Công Ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Minh Anh (1)	3,000,000,000	-
	<u>3,000,000,000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay vốn số 02/12/2015 HĐCVV ngày 14 tháng 12 năm 2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền cho vay: 5.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm 3.000.000.000 đồng;

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	470,000,000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	4,326,065	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	806,775	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	128,960	-	-	-
Phải thu khác	251,542,850	-	884,680,051	-
	<u>256,804,650</u>	<u>-</u>	<u>1,354,680,051</u>	<u>-</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20,812,856,770	-	29,259,215,727	-
Công cụ, dụng cụ	754,970,412	-	800,338,810	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	1,447,134,138	-
Thành phẩm	5,417,764,281	-	11,722,076,976	-
Hàng hoá	1,603,515,531	-	1,627,258,872	-
	28,589,106,994	-	44,856,024,523	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1,065,554,594	163,717,636
- Chi phí sửa chữa rạp 3D Suối tiên	644,139,038	-
- Chi phí sửa chữa các công trình khác	421,415,556	163,717,636
	1,065,554,594	163,717,636

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNHLô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	399,202,995	6,637,088,088
- Mua trong năm	-	237,499,909	237,499,909
Số dư cuối năm	6,237,885,093	636,702,904	6,874,587,997
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1,382,046,382	322,250,465	1,704,296,847
- Khấu hao trong năm	149,410,416	92,250,585	241,661,001
Số dư cuối năm	1,531,456,798	414,501,050	1,945,957,848
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4,855,838,711	76,952,530	4,932,791,241
Tại ngày cuối năm	4,706,428,295	222,201,854	4,928,630,149

12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà Alta Plaza được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2015 là 17.452.718.782 đồng, trong đó khấu hao trong năm là 1.922.673.528 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	822,538,416	655,255,278
Giá trị còn lại của TSCĐ do phá dỡ	344,287,003	455,947,651
Chi phí chờ phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	325,768,896	308,311,578
Chi phí chờ phân bổ của rạp phim 4D Suối Tiên	170,330,618	130,626,398
	1,662,924,933	1,550,140,905

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17 . VAY NGẮN HẠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	58,480,640,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>58,480,640,000</i>	<i>53,562,120,000</i>
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>3,244,590,000</i>	<i>4,918,520,000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>61,725,230,000</i>	<i>58,480,640,000</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	5,848,064
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6,172,523	5,848,064
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6,172,523</i>	<i>5,848,064</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,412,250
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,736,709</i>	<i>5,412,250</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109	4,368,550,442
	1,477,656,109	4,368,550,442

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
- Đồng đô la Mỹ (USD)	16,992.94	39,747.76
- Đồng Euro (EUR)	-	294.20

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	84,899,762,474	98,443,841,887
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26,323,513,550	22,946,213,800
	111,223,276,024	121,390,055,687

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	128,527,510	1,009,383,858
Giảm giá hàng bán	397,400,000	-
	525,927,510	1,009,383,858

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	79,123,613,606	95,733,506,567
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20,233,901,798	20,366,835,292
	99,357,515,404	116,100,341,859

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,311,067,606	588,681,345
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3,000,174,375	940,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	189,827,812	168,038,193
	4,501,069,793	1,696,719,538

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	195,154,594	161,942,337
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1,214,547,530
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	298,412,505	151,783,606
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	14,215,426	27,559,251
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	38,441,140	(1,091,432,200)
	546,223,665	464,400,524

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	88,500	-
Chi phí nhân công	619,670,500	1,043,313,792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	581,061,328	338,766,632
Chi phí khác bằng tiền	984,377,571	422,797,018
	2,185,197,899	1,804,877,442

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	150,006,120	179,090,225
Chi phí nhân công	3,218,348,300	1,417,893,512
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,204,828,436	1,165,537,682
Thuế, phí, lệ phí	49,196,249	47,049,853
Chi phí dịch vụ mua ngoài	827,159,993	678,843,116
Chi phí khác bằng tiền	447,554,036	986,860,216
	5,897,093,134	4,475,274,604

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,367,673,511	(777,506,301)
Các khoản điều chỉnh tăng	73,263,126	47,175,000
- Chi phí không hợp lệ	73,263,126	47,175,000
Các khoản điều chỉnh giảm	(7,440,936,637)	(940,000,000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3,000,174,375)	(940,000,000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(4,440,762,262)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(1,670,331,301)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	-	-

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31,194,736,433	55,608,376,908
Chi phí nhân công	6,789,206,681	12,989,878,621
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8,225,885,560	8,577,145,158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,928,854,538	6,353,735,936
Chi phí khác bằng tiền	10,772,059,678	4,503,644,565
	67,910,742,890	88,032,781,188

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,743,669,899	-	29,807,489,309	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25,473,881,686	-	17,626,060,037	-
Các khoản cho vay	12,500,000,000	-	1,081,496,000	-
Đầu tư dài hạn	122,329,200	-	122,329,200	-
	74,839,880,785	-	48,637,374,546	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			8,217,723,431	7,418,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác			6,415,314,709	7,229,050,685
Chi phí phải trả			65,849,112	-
			14,698,887,252	14,647,232,640

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	36,743,669,899	-	-	36,743,669,899
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25,473,881,686	-	-	25,473,881,686
Các khoản cho vay	12,500,000,000	-	-	12,500,000,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	74,717,551,585	122,329,200	-	74,839,880,785
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29,807,489,309	-	-	29,807,489,309
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17,626,060,037	-	-	17,626,060,037
Các khoản cho vay	-	1,081,496,000	-	1,081,496,000
Đầu tư dài hạn	-	122,329,200	-	122,329,200
	47,433,549,346	1,203,825,200	-	48,637,374,546

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	8,217,723,431	-	-	8,217,723,431
Phải trả người bán, phải trả khác	6,415,314,709	-	-	6,415,314,709
Chi phí phải trả	65,849,112	-	-	65,849,112
	14,698,887,252	-	-	14,698,887,252
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	7,418,181,955	-	-	7,418,181,955
Phải trả người bán, phải trả khác	7,229,050,685	-	-	7,229,050,685
	14,647,232,640	-	-	14,647,232,640

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện các thủ tục tăng vốn từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối. Số vốn tăng thêm trong năm là 3.244.590.000đồng. Công ty đã công bố kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức vào ngày 21 tháng 12 năm 2015 và hoàn tất thủ tục đăng ký kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 35 ngày 25 tháng 12 năm 2015 với số vốn điều lệ là 61.725.230.000 đồng.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	84,373,834,964	26,323,513,550	110,697,348,514
Chi phí bộ phận trực tiếp	79,123,613,606	20,233,901,798	99,357,515,404
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	<u>5,250,221,358</u>	<u>6,089,611,752</u>	<u>11,339,833,110</u>
Tổng chi phí mua TSCĐ	3,336,450,909	901,836,958	4,238,287,867
Tài sản bộ phận trực tiếp	90,750,889,760	50,757,243,709	141,508,133,469
Tài sản không phân bổ	-	-	72,142,675,043
Tổng tài sản	<u>90,750,889,760</u>	<u>50,757,243,709</u>	<u>213,650,808,512</u>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	11,382,658,954	2,393,351,559	13,776,010,513
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	2,833,410,024
Tổng nợ phải trả	<u>11,382,658,954</u>	<u>2,393,351,559</u>	<u>16,609,420,537</u>

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	9,500,000,000	9,500,000,000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	9,500,000,000	9,500,000,000	-	-
	9,500,000,000	9,500,000,000	-	-

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	34,000,021,370	(1,076,721,016)	32,658,993,519	(1,038,279,876)
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000	-	18,658,972,149	-
- Công ty TNHH Một thành viên Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	10,000,000,000	-	10,000,000,000	-
- Công ty TNHH Hợp tác Phát triển Đan Việt	4,000,021,370	(1,076,721,016)	4,000,021,370	(1,038,279,876)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000	-	4,700,000,000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	122,329,200	-	122,329,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Đồng Nai	62,829,200	-	62,829,200	-
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa	59,500,000	-	59,500,000	-
	38,822,350,570	(1,076,721,016)	37,481,322,719	(1,038,279,876)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	24,360,948,779	50,091,531,654	3,136,149,894	260,325,978	106,258,100	77,955,214,405
- Mua trong năm	209,982,700	2,242,860,600	-	399,284,182	-	2,852,127,482
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	246,823,518	-	-	-	-	246,823,518
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(534,557,103)	-	-	(534,557,103)
Số dư cuối năm	24,817,754,997	52,334,392,254	2,601,592,791	659,610,160	106,258,100	80,519,608,302
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13,680,196,597	31,827,305,420	1,624,958,918	178,927,912	71,724,204	47,383,113,051
- Khấu hao trong năm	1,257,740,208	4,431,921,322	205,528,123	155,735,570	10,625,808	6,061,551,031
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(383,742,016)	-	-	(383,742,016)
Số dư cuối năm	14,937,936,805	36,259,226,742	1,446,745,025	334,663,482	82,350,012	53,060,922,066
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10,680,752,182	18,264,226,234	1,511,190,976	81,398,066	34,533,896	30,572,101,354
Tại ngày cuối năm	9,879,818,192	16,075,165,512	1,154,847,766	324,946,678	23,908,088	27,458,686,236

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9,554,786,264 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Gulf polymers Distribution Company	1,989,810,900	1,989,810,900	1,524,931,650	1,524,931,650
- Phải trả các đối tượng khác	1,522,930,115	1,522,930,115	2,685,683,094	2,685,683,094
	3,512,741,015	3,512,741,015	4,210,614,744	4,210,614,744

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	26,670,276	3,693,832,153	3,515,271,230	-	205,231,199
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	114,094,986	114,094,986	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	45,252,892	-	53,991,900	52,491,900	43,752,892	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	33,809,002	33,809,002	-	-
Các loại thuế khác	-	-	21,827,751	21,827,751	-	-
	45,252,892	26,670,276	3,917,555,792	3,737,494,869	43,752,892	205,231,199

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	-	26,653,072
- Bảo hiểm y tế	-	1,767,600
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	716,240
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,499,472,552	1,096,256,552
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7,297,200	7,297,200
- Quỹ phải trả người lao động	1,390,553,942	1,749,130,442
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,250,000	136,614,835
	2,902,573,694	3,018,435,941

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
 Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	5,833,326,255	5,833,326,255	11,976,741,222	12,348,792,046	5,461,275,431	5,461,275,431
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thành phố Hồ Chí Minh (2)	1,584,855,700	1,584,855,700	4,306,429,125	3,134,836,825	2,756,448,000	2,756,448,000
	7,418,181,955	7,418,181,955	16,283,170,347	15,483,628,871	8,217,723,431	8,217,723,431

(1) Hợp đồng tín dụng số 0347/TaB1/14LD ngày 03 tháng 09 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 35.000.000.000 đồng và 500.000 Đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh các loại, nhập khẩu nguyên vật liệu;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2015 là 0,33%/tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 242.507,79 USD (tương đương 5.461.275.431 đồng).

(2) Hợp đồng tín dụng số HĐTĐ HCM.DN.171.210815 KW ngày 26 tháng 11 năm 2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng (bao gồm của Việt Nam đồng và Đô la Mỹ);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: Tối đa là 06 tháng kể từ ngày nhận nợ vay theo từng giấy nhận nợ;
- +Lãi suất cho vay: Tại thời điểm 31/12/2015 là từ 0,29%/tháng.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 122.400,00 USD (tương đương 2.756.448.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	53,562,120,000	145,825,164,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(3,778,977,560)	190,451,220,765
Tăng vốn trong năm trước	4,918,520,000	(4,918,520,000)	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-	(777,506,301)	(777,506,301)
Số dư cuối năm trước	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(4,556,483,861)	189,673,714,464
Số dư đầu năm nay	58,480,640,000	140,906,644,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	4,368,550,442	(4,556,483,861)	189,673,714,464
Tăng vốn trong năm nay	3,244,590,000	(3,244,590,000)	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	7,367,673,511	7,367,673,511
Hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính (*)	-	-	-	-	(2,890,894,333)	2,890,894,333	-
Số dư cuối năm nay	61,725,230,000	137,662,054,443	2,140,945,047	(11,666,581,607)	1,477,656,109	5,702,083,983	197,041,387,975

#####

(*) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/01/NQHQĐQT/2016, Công ty hoàn nhập quỹ dự phòng tài chính để bù đắp lỗ từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	10,512,440,000	17.03%	9,917,400,000	16.96%
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	7,602,110,000	12.32%	7,171,810,000	12.26%
Ông Hoàng Văn Điều	5,788,600,000	9.38%	5,460,950,000	9.34%
Bà Lại Thị Hồng Điệp	3,558,630,000	5.77%	3,357,200,000	5.74%
Ông La Thế Nhân	2,955,500,000	4.79%	2,788,210,000	4.77%
Cổ đông khác	26,949,810,000	43.66%	25,426,930,000	43.48%
Cổ phiếu quỹ	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000	7.45%
	61,725,230,000	100%	58,480,640,000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chi tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC**

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
135	5. Các khoản phải thu khác	2,246,696,291	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	1,354,680,051	(892,016,240)
			215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	1,081,496,000	1,081,496,000
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(189,479,760)	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	189,479,760
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636				(163,717,636)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	163,717,636	163,717,636
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	1,477,656,109	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	4,368,550,442	2,890,894,333
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	2,890,894,333				(2,890,894,333)





Nguyễn Thị Ngọc Duyên
Người lập

Nguyễn Thị Xuân
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú
Tổng Giám đốc
TP Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2016